TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **07**/2024/QĐST-KDTM.	*Bình Thủy, ngày 30 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST- KDTM, ngày 01 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: T, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Trần Hồng V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: B- Chi nhánh H4 số A N, phường A, Thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1963 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T5.

Địa chỉ: số E C, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số E C, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ.

2. Ông Giang Minh T1, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp B Thị trấn L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp B Thị trấn L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969

7. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984

8. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1970

9. Ông Nguyễn Hoài H3, sinh năm 1981

10. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957

11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948

12. Bà Nguyễn Thị Kiều T3, sinh năm 1986

13. Bà Lê Thị Thanh T4, sinh năm 1991

14. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1987

15. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1952

15. Nguyễn Văn M, sinh năm 1971

17. Nguyễn Văn V1, sinh năm 1969

18. Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: khu V Bình Dương, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Ông Lê Thanh T – Chủ T5 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/10/2024 là: 6.463.738.964 đồng (trong đó nợ gốc: 2.700.000.000; nợ lãi trong hạn là 3.207.253.408 đồng đồng, nợ lãi quá hạn 556.485.556 đồng).

- Ông Lê Thanh T vẫn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký với nguyên đơn, cho đến khi trả dứt nợ.

- Trường hợp ông Lê Thanh T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ như trên thì Nguyên đơn được quyền phát mãi, thu hồi các tài sản ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị C đã ký thế chấp để thu hồi nợ bao gồm:

[2.1.1] Phần đất có diện tích 9.700,5m^2 tại thửa số 318, tờ bản đồ số 09 - thuộc một phần của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01057/LH do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 12/8/2005 cho bà Nguyễn Thị C (phần được đánh ký hiệu A, thuộc thửa 318 tại Bản trích đo địa chính số 908/VPĐK ngày 21/10/2024 do Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập)

[2.1.2] Xe ô tô hiệu TOYOTA FORTUNER biển kiểm soát 65N – 1652, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001685 do Phòng C1, thành phố Cần Thơ cấp ngày 25/11/2009 cho ông Lê Thanh T.

- Nguyên đơn đồng ý: không yêu cầu xử lý đối với các diện tích đất do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang quản lý sử dụng tại thửa 318 nêu trên (Phần diện tích được đánh ký hiệu từ B đến N của Bản trích đo địa chính).

- Nguyên đơn đồng ý: không tranh chấp, không yêu cầu xử lý đối phần diện tích 96m^2 tại thửa 317 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[2.2] Trường hợp sau khi xử lý các tài sản nêu trên mà vẫn chưa thu đủ số nợ mà ông Lê Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn thì, nguyên đơn được

quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo do ông Giang Minh T1, bà Phạm Thị T2 đã ký thế chấp để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp F, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000230 cấp ngày 23/11/1996 cho hộ ông Giang Minh T1, thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 06, diện tích đất là 300m^2, loại đất thổ cư. Tài sản gắn liền với đất là nhà trệt, mái lợp tole, vách tường, nền bê tông.

- Nguyên đơn đồng ý về việc ông Giang Minh T1, bà Phạm Thị T2 chỉ phải chịu trách nhiệm trong phạm vi bảo lãnh là 1.400.000.000 đồng (một tỉ, bốn trăm triệu đồng) và nghĩa vụ này chỉ phải thực hiện trong trường hợp: sau khi xử lý toàn bộ tài sản của ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị C mà vẫn không đủ thanh toán nợ.

[2.3] Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản tranh chấp và lệ phí trích đo: Bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

[2.4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 57.231.869 đồng (năm mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi mốt ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng). Nguyên đơn được nhận lại 57.091.828 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo Biên lai thu số 0002197 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4**.** Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo QĐCNSTT này là Trích đo địa chính số 908/VPĐKĐĐ, do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 21/10/2024)

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND Q Bình Thủy TPCT;
- Chi cục THADS TPCT;
- TANDTPCT;
- Lưu (hs, Vp, Ltd);

THẨM PHÁN

Đặng Thị Huệ